

Bản án số: 08/2018/DS-ST

Ngày: 25/5/2018

*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa*

*Ngân hàng TPCP Đ và anh L, chị M*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY – TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Tư Duy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu;

2. Ông Lê Thành Nam

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Bắc Giang;

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TY tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên;

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2017/TLST- DS ngày 15 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST-DS ngày 08/5/2018 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, địa chỉ trụ sở: số 130, đường P, phường 3, quận PN, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Kiều T - Chức vụ: Nhân viên khách hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, phòng giao dịch huyện TY. (có mặt)

**2. Bị đơn:**

- Anh Trần Xuân L, sinh năm 1978, nơi cư trú: thôn C, xã PH, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt).

- Chị Giáp Thị Hồng M, sinh năm 1982, nơi cư trú: thôn F, xã V, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2015, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng TMCP Đ) có chương trình cho chi hội viên hội phụ nữ các xã trong địa bàn huyện TY vay tín chấp để lấy vốn chăn nuôi thông qua xác nhận của Hội liên hiệp phụ nữ xã. Ngày 06/4/2015 vợ chồng anh L, chị M có giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ. Theo đó chị M đề nghị vay Ngân hàng số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), thời hạn vay 01 năm, lãi suất trong hạn 8%/năm, lãi suất quá hạn 12%/năm. Mục đích vay vốn là để chị M lấy vốn chăn nuôi. Anh Trần Xuân L - chồng chị M đồng ý là người bảo lãnh cho chị Giáp Thị Hồng M và có ký vào giấy đăng ký vay tiền trả góp ngày 06/4/2015. Ngày 08/4/2015, sau khi được Hội liên hiệp phụ nữ xã PH xác nhận, Ngân hàng TMCP Đ đã duyệt cho chị M, anh L vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Ngày 09/4/2015, Ngân hàng TPCM Đ đã thực hiện việc giải ngân số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) vào tài khoản thẻ của chị M theo số tài khoản 0109761351. Chị Giáp Thị Hồng M trực tiếp ký vào phần người vay tại Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 09/4/2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng chị M đã trả được cho Ngân hàng tổng số 11.737.039 đồng tiền gốc và 1.476.923 đồng tiền lãi. Trả làm 7 lần. Cụ thể: Lần 1 trả gốc 1.553.846 đồng và lãi là 246.154 đồng; Lần 2 trả gốc 1.574.359 đồng và lãi 225.641 đồng; Lần 3 trả gốc 1.594.872 đồng và lãi 205.128 đồng; Lần 4 trả gốc 1.615.384 đồng và lãi 184.616 đồng; Lần 5 trả gốc 1.635.898 đồng và lãi 164.102 đồng; Lần 6 trả gốc 1.656.411 đồng và lãi 143.589 đồng; Lần 7 trả gốc 2.106.269 đồng và lãi 307.693 đồng. Các lần trả tiền có lần chị M trực tiếp đến Ngân hàng TMCP Đ trả, có lần do chi hội trưởng chi hội phụ nữ và người thân của chị M đến nộp hộ chị M và đều có bảng kê kiêm giấy nộp tiền. Nay Ngân hàng TMCP Đ xác định khi vay tiền thì chị M, anh L là vợ chồng do đó số nợ trên là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, Ngân hàng TMCP Đ đề nghị Tòa án buộc chị M, anh L cùng có trách nhiệm trả số tiền còn nợ gốc là 8.262.961 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 24/5/2018 trong đó lãi trong hạn là 123.077 đồng (tính theo mức 8%/năm), lãi quá hạn là 1.903.235 đồng (tính theo mức 12%/năm). Yêu cầu anh L, chị M tiếp tục phải trả lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong. Đối với trách nhiệm trả nợ của từng người thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Bà Trần Thị Kiều T có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Anh Trần Xuân L và chị Giáp Thị Hồng M đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh L, chị M không đến Tòa án làm việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Xuân L và chị Giáp Thị Hồng M vắng mặt.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ, buộc anh Trần Xuân L phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc là 4.131.480 đồng và tiền lãi là 1.013.156 đồng, chị Giáp Thị Hồng M phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc là 4.131.480 đồng và tiền lãi là 1.013.156 đồng

Về án phí: Anh Trần Xuân L và chị Giáp Thị Hồng M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì hiện Bị đơn là anh Trần Xuân L có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã PH, huyện TY, tỉnh Bắc Giang; Chị Giáp Thị Hồng M có hộ khẩu thường trú tại thôn F, xã V, huyện TY, tỉnh Bắc Giang, anh L và chị M không xin xác nhận nơi cư trú mới và hiện vắng mặt tại địa phương mà không rõ thời điểm trở về. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành tổng đạt trực tiếp cho bị đơn được. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho anh L, chị M theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh L, chị M không đến Tòa án làm việc.

Anh L, chị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2]. Về số tiền nợ: Ngân hàng TMCP Đ xác định chị Giáp Thị Hồng M có vay Ngân hàng TMCP Đ số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), anh Trần Xuân L (là chồng) là người trực tiếp đứng ra bảo lãnh. Việc chị M vay tiền Ngân hàng được thể hiện qua giấy đăng ký vay tiền trả góp kèm khế ước nhận nợ ngày 06/4/2015. Ngân hàng TMCP Đ đã thực hiện đúng hợp đồng ký kết và giải ngân số tiền 20.000.000 đồng cho chị M, theo số tài khoản 0109761351 của chị M (thể hiện ở Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 09/4/2015 chị M đã ký trực tiếp vào phần người vay ký xác nhận và sao kê chi tiết phát sinh). Trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng chị M đã trả được tổng cộng số tiền 11.737.039 đồng tiền gốc và 1.476.923 đồng tiền lãi. Đến hạn thanh toán Ngân hàng có nhiều lần yêu cầu chị M, anh L trả số tiền nợ nhưng chị M, anh L không trả nên Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện ra tòa để giải quyết. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ là phù hợp với quy định tại các Điều 466

Bộ luật Dân sự. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu anh L, chị M có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc là 8.262.961 đồng.

Về lãi suất: Tại thời điểm vay tiền chị M và Ngân hàng TMCP Đ thỏa thuận lãi suất trong hạn là 8%/năm, lãi suất quá hạn 12%/năm. Việc thỏa thuận lãi suất như trên phù hợp với khoản 2 Điều 13 của Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001; Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu chị M, anh L trả số tiền lãi tính đến ngày 24/5/2018 là 2.026.312 đồng, là có căn cứ và cần được chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ của từng người HĐXX thấy: Tại thời điểm chị M vay tiền Ngân hàng TMCP Đ, chị M và anh L là vợ chồng. Sau khi vay tiền, chị M và anh L giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện TY. Trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn, chị M và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản. Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 173/2015/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện TY quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Giáp Thị Hồng M và anh Trần Xuân L; về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản, do đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Đồng thời mục đích chị M vay tiền Ngân hàng TMCP Đ là để lấy vốn chăn nuôi nhằm phát triển kinh tế chung của gia đình. Như vậy, theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình thì khoản tiền nợ Ngân hàng TMCP Đ là nghĩa vụ chung trong thời kỳ hôn nhân giữa chị M và anh L. Chị M và anh L có nghĩa vụ như nhau trong việc trả nợ Ngân hàng TMCP Đ. Vì vậy, anh L có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc cho Ngân hàng là 4.131.480 đồng và lãi là 1.013.156 đồng, chị M có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc cho Ngân hàng là 4.131.480 đồng và lãi là 1.013.156 đồng.

Về yêu cầu của phía nguyên đơn buộc chị M, anh L phải trả lãi theo hợp đồng đã ký kết giữa các bên cho đến khi thanh toán xong là phù hợp với Điều 90, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3]. Về án phí sơ thẩm: anh L, chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Áp dụng khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Buộc anh Trần Xuân L phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc 4.131.480 đồng và tiền lãi là 1.013.156 đồng.

Buộc chị Giáp Thị Hồng M phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc là 4.131.480 đồng và tiền lãi là 1.013.156 đồng.

Chị M, anh L tiếp tục phải trả lãi tiếp theo trên nợ gốc theo mức lãi suất trong hợp đồng đã ký (lãi trong hạn 8%/năm, lãi quá hạn 12%/năm)

3. Về án phí:

Anh Trần Xuân L phải chịu 257.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Giáp Thị Hồng M phải chịu 257.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp theo biên lai số AA/2017/ 0001766 ngày 15/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết công khai bản án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện TY;
- TAND tỉnh BG;
- Chi cục THADS huyện TY;
- Các đương sự;
- Lu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Tư Duy**

\